

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Minh Long, ngày 10 tháng 7 năm 2017

Số: 06/2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/ 2017/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trình Thị Minh Đ - sinh năm 1974

Địa chỉ nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi Địa chỉ nơi làm việc: Trung tâm y tế huyện C.

Bị đơn: Ông Lương Hồng C – sinh năm 1969

Địa chỉ : Thôn A - xã B - huyện C - tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội, có địa chỉ tại: phường M, quận N, thành phố Hà Nội; người đại diện: Ông Dương Quyết Thắng, tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn N - Phó giám đốc phòng giao dịch huyện C, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền số: 4716/QĐ - NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội).

Địa chỉ: Thôn Z, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên

bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà *Trình Thị Minh Đ* và ông *Lương Hồng C*.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: Bà Đ , ông C xác nhận: Vợ chồng có 2 người con chung là *Lương Tiểu N* (sinh năm 1996) và *Lương Minh Q* (sinh ngày 18/8/2000). Hai cháu N và Q đang ở với bà Đ .

Bà Đ , ông C thỏa thuận: Cháu *Lương Tiểu N* đã trưởng thành, ưng ở với ai tùy ý; còn cháu *Lương Minh Q* thì giao bà Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* *Về tài sản chung*: Bà Đ , ông C không trình bày trước Tòa và cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung*: Bà Đ , ông C và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện C xác nhận: Bà Đ và ông C hiện có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện C số tiền nợ vay là 45.000.000 đồng tiền gốc và 1.903.000 đồng tiền lãi (tính đến ngày 30/6/2017), tổng cộng là 46.903.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng) theo Sổ vay vốn, mã khách hàng số 350006264 và 02 giấy đề nghị vay vốn ngày 04 tháng 7 năm 2016, lãi suất vay 0,75%/ tháng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 14/7/2016; lãi suất quá hạn 130% của lãi suất vay.

Bà Đ , ông C và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội thỏa thuận:

- Bà Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện C số tiền: 22.500.000 đồng tiền gốc và 951.500 đồng tiền lãi (tính đến ngày 30/6/2017) . Tổng cộng là 23.451.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi một ngàn đồng).

- Ông C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện C số tiền: 22.500.000 đồng tiền gốc và 951.000 đồng tiền lãi (tính đến ngày 30/6/2017). Tổng cộng là 23.451.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi một ngàn đồng).

Đồng thời, bà Đ và ông C còn phải tiếp tục trả lãi 0,75% /tháng trên nợ gốc mà mình phải trả, kể từ ngày 01/7/2017 trở đi đến khi thanh toán xong hợp đồng ngày 14/7/2021.

Nếu đến hạn thanh toán hợp đồng mà ông C , bà Đ chưa thanh toán xong thì phải chịu tiền lãi trên nợ gốc quá hạn mà mình phải trả bằng 130% lãi suất vay, tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí sơ thẩm bà Đ và ông C thỏa thuận:

- Bà Trình Thị Minh Đ phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 586.000 đồng án phí phân nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng: 661.000 đồng(Sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Đ đã nộp 6.550.000 đồng (theo biên lai số: AA/2010/02911 ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C). Bà Đ được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.889.000 đồng(Năm triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng);

- Ông Lương Hồng C phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 586.000 đồng án phí phân nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng là 661.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng).

- Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

